TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN H	**Độc lập - Tự do - Hphúc**
THÀNH PHỐ HÀ NỘI	

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/11/2020
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Sơn Hóa.**

- Ông **Nguyễn Văn Sơn.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hoàng Thị Bích Huệ** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Bà **Bùi Vũ Ngọc Trang -** Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 549/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXX - ST ngày 20 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2020, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh **Đỗ Đức T,** sinh năm 1972.

HKTT: Số 5 tập thể in Ngân hàng, ngõ Q, đường T, phường H, quận Đ, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 14 ngõ 13/90 đường L, phường V, quận H, Hà Nội (Có mặt).

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971.

HKTT: Số 5 tập thể in Ngân hàng, ngõ Q, đường T, phường H, quận Đ, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 14 ngõ 13/90 đường L, phường V, quận H, Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Đỗ Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào ngày 16/5/2002, trước khi kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau khi đăng kí kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận Hphúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xảy ra cãi nhau vì kinh tế gia đình và về việc không có con cái. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 3/2020, anh bắt được chị H ngoại tình với người khác tại nhà, từ đó vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau.

Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị Hđể ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng không có con chung, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (Động sản + bất động sản): Vợ chồng không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết**.**

Tại phiên tòa: Anh Đỗ Đức T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; Về con chung; tài sản chung và các khoản nợ chung anh T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận H có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H thụ lý đơn xin ly hôn của anh Đỗ Đức T với chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, 196, 197 Bộ luật TTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đảm bảo theo đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo giấy báo, thông báo các phiên hòa giải của Tòa án và không tham gia phiên toà mặc dù đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, đã vi phạm khoản 16 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBNTQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đức T về việc xin ly hôn

đối với chị Nguyễn Thị H, đề nghị HĐXX cho anh T được ly hôn chị H; Về con chung; tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh T xác nhận không có nên không xét; Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Đức T có đơn xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị H, nơi cư trú: Số 14 ngõ 13/90 đường L, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết Toà án nhân dân quận H đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Nguyễn Thị H, tuy nhiên chị H không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T và các buổi làm việc chị H đều vắng mặt không có lý do, nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 05/11/2020 chị H vắng mặt không có lý do; vì vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 điều 227, điều 233, khoản 2 điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định phiên toà được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 23/11/2020. Tại phiên toà hôm nay chị Hvẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Đức T kết hôn với chị Nguyễn Thị H vào ngày 16/5/2002, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, kết hôn thứ nhất. Sau khi đăng kí kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận Hphúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xảy ra cãi nhau vì kinh tế gia đình và về việc không có con cái. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 3/2020, khi anh bắt được chị H ngoại tình với người khác tại nhà, từ đó vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau; tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương ngày 20/8/2020 cũng xác nhận vợ chồng anh T chị H mâu thuẫn trầm trọng do anh chị không có con chung và do chị H ngoại tình, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết đơn ly hôn của anh T theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H

đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh T xin ly hôn là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Đỗ Đức T xác nhận anh và chị Nguyễn Thị H không có con chung, nên HĐXX không giải quyết.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có các khoản nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Đỗ Đức T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. *Xử:* - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Đức T. Cho anh Đỗ Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh Đỗ Đức T xác nhận không có con chung, nên HĐXX không giải quyết

- *Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung*: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

3. Về án phí: Anh Đỗ Đức T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2018/0005821 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội. Anh Đỗ Đức T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phương

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; (GCNKH số 28, quyển số 01 ngày 16/5/2002)
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.